

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 07:2026/ANOVA

CÔNG TY TNHH SX TM AQUA NOVA	Tên sản phẩm ALUM CLEAR	Phiên bản: 01 Ngày hiệu lực: 05/05/2026 Ngày cập nhật: 05/05/2026
---	-----------------------------------	---

1. Phạm vi áp dụng: Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh của sản phẩm **ALUM CLEAR** mục đích Xử lý môi trường (Nhóm Hóa chất) dùng trong nuôi trồng thủy sản do CÔNG TY TNHH SX TM AQUA NOVA công bố và chịu trách nhiệm về hàng hóa.

Tài liệu viện dẫn:

TCVN 1532:1993, Thức ăn chăn nuôi - Phương pháp thử cảm quan.

TCVN 6952:2018, (ISO 6498:2012), Thức ăn chăn nuôi - Chuẩn bị mẫu thử.

TCVN 13053:2021, Lấy mẫu sản phẩm xử lý môi trường NTTS

TCVN 4326:2001 (ISO 6496:1999), Thức ăn chăn nuôi - Xác định Độ ẩm.

TCCS 048:2017/TTKNII, Xác định hàm lượng Canxi, Al₂O₃

TCCS 230:2017/TTKNII, Xác định hàm lượng SiO₂

TCCS 131:2017/TTKNII, Xác định hàm lượng EDTA

TCVN 8467:2010 Xác định hàm lượng As (hóa chất tự nhiên)

TCVN 6496:2009 Xác định hàm lượng Pb (hóa chất tự nhiên)

TCVN 8900-9:2012 Xác định hàm lượng As (hóa chất từ nguyên liệu nhân tạo)

TCVN 8900-7:2012 Xác định hàm lượng Pb (hóa chất từ nguyên liệu nhân tạo)

YÊU CẦU KỸ THUẬT

2. Nguyên vật liệu: EDTA, CaO, Al₂O₃, SiO₂, Chất mang silic dioxyd vô định hình (INS 551) vừa đủ 1kg

3. Công thức phối chế: Phối chế theo công thức quy định của công ty.

4. Chỉ tiêu kỹ thuật:

(Chỉ tiêu kỹ thuật được xây dựng và công bố theo quy định tại Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT ngày 09/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)

4.1 Nhóm chỉ tiêu cảm quan

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Phương pháp thử
1	Dạng sản phẩm	Bột	TCVN 1532:1993
2	Màu sắc	Màu xám nhạt	
3	Mùi vị	Đặc trưng	

4.2 Nhóm chỉ tiêu chất lượng

STT	Tên chỉ tiêu	Hình thức công bố	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp phân tích
1	Ca (CaO)	Min	mg/kg	100	TCCS 048:2017/TTKNII
2	SiO ₂	Min	g/kg	425	TCCS 230:2017/TTKNII
3	Al ₂ O ₃	Min	g/kg	75	TCCS 048:2017/TTKNII
4	EDTA	Min	g/kg	250	TCCS 131:2017/TTKNII
5	Độ ẩm	Max	%	10	TCVN 4326:2001
6	Chất mang silic dioxyd vô định hình (INS 551)	Vừa đủ	-	1kg	

4.3 Nhóm chỉ tiêu an toàn

- Hóa chất khai thác từ tự nhiên

STT	Tên chỉ tiêu	Hình thức công bố	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp thử
1	Asen (As)	Max	mg/kg (lít)	15	TCVN 8467:2010
2	Chì (Pb)	Max	mg/kg (lít)	70	TCVN 6496:2009



- Hóa chất có nguồn gốc từ nguyên liệu nhân tạo

STT	Tên chỉ tiêu	Hình thức công bố	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp thử
1	Asen (As)	Max	mg/kg (lít)	5	TCVN 8900-9:2012
2	Chì (Pb)	Max	mg/kg (lít)	30	TCVN 8900-7:2012

5. Công dụng và hướng dẫn sử dụng

Công dụng:

Ổn định và nâng cao pH.

Khử độc kim loại nặng

Tăng độ kiềm và tạo hệ đệm

Ổn định màu nước và cất tảo.

Hạn chế tôm bị bệnh (vàng chân, vàng mang, bỏ ăn, khó lột vỏ, yếu và chết rải rác).

Cải thiện nền đáy.

Hướng dẫn sử dụng:

Sử dụng 500g/ 1.000 m3 nước, đánh vào buổi sáng.

Khi có phèn nặng: sử dụng 1kg/ 1.000 m3 nước, đánh vào buổi sáng.

• Thời gian ngưng sử dụng trước khi thu hoạch: Không

6. Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản và vận chuyển

6.1 Đóng gói

- Sản phẩm được đựng trong bao bì kín

- Quy cách : 500g/ gói, 20 gói/ thùng

- Số lô : (ghi trên nhãn chính).

6.2 Ghi nhãn

Đảm bảo nội dung ghi đúng theo Nghị định 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Bảo quản Nơi khô, thoáng, tránh ánh nắng trực tiếp. Để xa tầm tay trẻ em

- Khối lượng tịnh : ghi trên nhãn chính thức

- Ngày sản xuất : trên nhãn chính thức

- Hạn sử dụng : 24 tháng kể từ ngày sản xuất

7. **Vận chuyển:** Phương tiện vận chuyển sản phẩm phải đảm bảo yêu cầu về vệ sinh thú y thủy sản (khô, sạch, không có chất độc hại hoặc bệnh truyền nhiễm...)

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Võ Bá Bình